

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

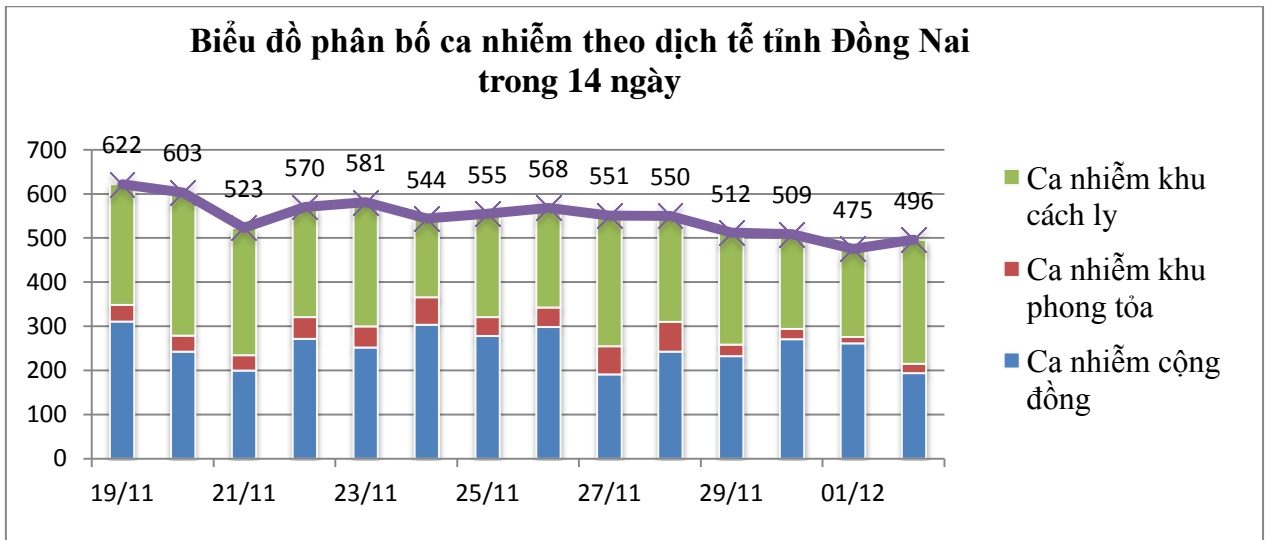
Số: 10175/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 03 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 02/12/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	374	122	252	0	0	0	0	0	57	0	38101
2	Nhon Trạch	17	5	12	0	0	0	0	0	-	-	18250
3	Vĩnh Cửu	11	7	1	3	0	0	0	0	245	0	12921
4	Trảng Bom	25	14	11	0	0	0	0	0	685	0	8748
5	Long Thành	13	0	2	11	0	0	0	0	-	-	3420
6	Thống Nhất	21	16	0	5	0	0	0	0	11	0	1697
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	1343
8	Long Khánh	6	4	0	2	0	0	0	0	270	0	1177
9	Định Quán	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	1072
10	Tân Phú	29	26	3	0	0	0	0	0	-	-	831
11	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	218	50	767
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	402
Tổng số		496	194	281	21	0	0	0	0	1486	50	88.729



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 194 ca (giảm 25,9%) so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày là 1.693 ca (giảm 8,9% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 122 ca ngụ tại An Bình (19), An Hòa (03), Bình Đa (06), Hiệp Hòa (02), Hồ Nai (04), Long Bình (34), Long Bình Tân (04), Phước Tân (08), Quang Vinh (01), Tam Hiệp (07), Tam Hòa (02), Tam Phước (01), Tân Biên (01), Tân Hiệp (08), Tân Hòa (03), Tân Phong (01), Tân Tiến (02), Tân Vạn (01), Thống Nhất (02), Trảng Dài (11), Trung Dũng (02)

- **Long Khánh:** ghi nhận 04 ca ngụ tại Bàu Trâm (01), Xuân Hòa (01), Xuân Trung (02)

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 05 ca ngụ tại Hiệp Phước (01), Phước Thiện (02), Vĩnh Thanh (02)

- **Tân Phú:** ghi nhận 26 ca ngụ tại Núi Tượng (08), Phú Lâm (02), Phú Thành (06), Phú Xuân (01), Tà Lài (01), TT Tân Phú (05), Trà Cỏ (03)

- **Thống Nhất:** ghi nhận 16 ca ngụ tại Dầu Giây (02), Gia Kiệm (02), Gia Tân 1 (03), Gia Tân 2 (04), Hưng Lộc (01), Lộ 25 (01), Xuân Thiện (03).

- **Trảng Bom:** ghi nhận 14 ca ngụ tại Bắc Sơn (07), Bình Minh (02), Cây Gáo (01), Hồ Nai 3 (02), Sông Thao (01), Sông Trầu (01)

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 07 ca ngụ tại Phú Lý (02), Vĩnh An (02), Thạnh Phú (01), Thiện Tân (02).

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 25,9% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày giảm 8,9% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch. Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng. Địa phương ghi nhận nhiều nhất An Bình (19), Phước Tân (08), Tân Hiệp (08) – Biên Hòa; Núi Tượng (08) – Tân Phú.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần (trung bình 2 tuần) là 61 ca/100.000 dân (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	59	1.042	38.949	39.991
Cách ly tại nhà	5.118	66.062	117.535	183.597
Theo dõi sức khỏe	196	8.515	33.175	41.690

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	496	13.653	337	74.301	24	815	76
Tỉ lệ		15,38%		83,70%		0,92%	0,56%

- Các ca đang điều trị: ECMO 00 ca, thở máy xâm lấn 76 ca (0,56%), HFNC 73 ca (0,53%), CPAP 15 ca (0,16%), thở oxy 321 ca (2,35%), có triệu chứng trung bình 850 ca (6,23%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 12.318 ca (90,22%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	273	55
Tầng 2	9.086	1.783	7.303
Tầng 1	6.563	1.725	4.838

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	3230	33782	57674
2	Long Khánh	202	1575	2103
3	Vĩnh Cửu	642	6388	11389
4	Định Quán	84	1181	1617
5	Tân Phú	134	1199	1709
6	Trảng Bom	84	760	1534
7	Thống Nhất	315	2523	3462
8	Cẩm Mỹ	129	954	1331

9	Long Thành	180	3044	5011
10	Nhơn Trạch	450	13387	15941
	Tổng	5.450	64.793	101.771

*Xuân Lộc chưa ghi nhận báo cáo cách ly F0 tại nhà.

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 01/12)

Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 24 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.057.698 liều.

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)	
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2
A	Tỉnh Đồng Nai		2.893.326	2.273.469	5.166.795	115,36%	90,65%
1	Biên Hòa		1.000.316	759.587	1.759.903	115,16%	87,44%
2	Long Khánh		146.007	113.501	259.508	119,86%	93,17%
3	Xuân Lộc		214.099	177.526	391.625	128,94%	106,91%
4	Tân Phú		127.724	101.878	229.602	95,09%	75,85%
5	Cẩm Mỹ		111.609	99.695	211.304	109,12%	97,48%
6	Trảng Bom		313.576	236.377	549.953	110,73%	83,47%
7	Định Quán		164.370	134.587	298.957	109,00%	89,25%
8	Vĩnh Cửu		154.204	121.398	275.602	127,28%	100,21%
5	Long Thành		251.488	204.170	455.658	131,62%	106,86%
10	Thống Nhất		132.122	106.032	238.154	101,40%	81,37%
11	Nhơn Trạch		277.811	218.718	496.529	116,49%	91,71%

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 115,36% ; Mũi 2: 90,65%.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57	198.192	196.674	99,23
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71	37.675	36.408	96,64%

3	Long Thành	23.449	22.756	97,04	59.238	57.274	96,68%
4	Nhon Trạch	15.226	14.531	95,44	48.894	47.049	96,23%
5	Thống Nhất	13.037	11.654	89,39	37.414	32.367	86,51%
6	Trảng Bom	19.115	18.982	99,30	92.978	89.965	96,76%
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.820	93,00	32.466	29.880	92,03%
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38	57.427	57.427	100,00%
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.794	97,51	34.375	33.929	98,70%
10	Định Quán	13.719	13.157	95,90	34.790	33.971	97,65%
11	Tân Phú	11.970	11.425	95,45	23.040	22.222	96,45%
	Tổng	212.402	205.856	96,92	656.489	637.166	97,06%

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi dựa trên báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 96,92%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,06%.

3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

TT	Địa phương	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	93.343	82	81.901	87,74%	7	0,01%	2	1
2	Long Khánh	14.128	8	14.128	100,00%	0	0,00%	2	0
3	Long Thành	24.626	21	20.154	81,84%	1.454	5,90%	1	0
4	Nhon Trạch	23.393	12	14.919	63,78%	2.248	9,61%	0	0
5	Thống Nhất	16.405	13	14.673	89,44%	0	0,00%	0	0
6	Trảng Bom	34.961	69	30.857	88,26%	0	0,00%	0	0
7	Vĩnh Cửu	15.893	28	12.245	77,05%	3.963	24,94%	2	0
8	Xuân Lộc	22.654	15	20.209	89,21%	3.006	13,27%		
9	Cẩm Mỹ	12.810	24	11.040	86,18%	2.573	20,09%		
10	Định Quán	20.291	2	19.650	96,84%	1.151	5,67%	0	0
11	Tân Phú	17.908	22	13.677	76,37%	0	0,00%	4	0
	Tổng	296.412	296	253.453	85,51%	14.402	4,86%	11	1

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 85,51%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.934	810	1.517.489	24.288
RT-PCR mẫu đơn	3.186	1.396	1.984.836	231.597
RT-PCR mẫu gộp	992	198	350.269	28.120

Lượt người thực hiện PCR	5.458	1.396	3.719.482	231.597
---------------------------------	-------	-------	-----------	---------

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 36 mẫu tại Trảng Bom
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 198 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 197 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

- + 172 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).
(*xã Phước Thái – Long Thành, xã Sông Nhạn – Cẩm Mỹ thành lập 02 TYT lưu động*)
- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- : Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 25,9% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày giảm 8,9% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch. Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng. Địa phương ghi nhận nhiều nhất An Bình (19), Phước Tân (08), Tân Hiệp (08) – Biên Hòa; Núi Tượng (08) – Tân Phú.

- Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần (trung bình 2 tuần) là 61 ca/100.000 dân

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 115,36% ; Mũi 2: 90,65%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 96,92%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,06%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 85,51%.

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 25/11/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/tp đều ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội (Cập nhật ngày 01/12)

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	01 đơn vị	9.481 đơn vị
2. Người lao động	3.713 người	1.245.958 người
3. Hộ kinh doanh	570 hộ	16.087 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	01 đơn vị	9.481 đơn vị
2. Người lao động	5.077 người	1.177.343 người
3. Hộ kinh doanh	435 hộ	15.476 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
-----------	-------------------	--	---	--------------

1	TP. Biên Hòa	438.119/475.700	731,25/853,63	92,10
2	Cẩm Mỹ	21.224/21.224	32,00/32,00	100
3	Định Quán	36.452/36.630	55,94/56,21	99,51
4	TP. Long Khánh	54.903/54.903	87,15/87,15	100
5	Long Thành	67.638/72.815	103,79/111,52	92,89
6	Nhơn Trạch	124.558/132.895	204,05/225,92	93,73
7	Tân Phú	45.151/45.830	75,32/76,34	98,52
8	Trảng Bom	159.631/174.600	260,26/288,99	91,43
9	Thống Nhất	35.199/35.199	52,92/52,92	100
10	Xuân Lộc	84.569/86.099	120,11/122,40	98,22
11	Vĩnh Cửu	78.919/78.923	232,14/232,15	99,99
	Tổng cộng	1.146.363/1.214.818	1.954,71/2.139,24	94,36

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCD tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 25/11/2021 tại Báo cáo số 780/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	00 (giảm 01)	44 (giảm 10)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11 (tăng 01)	72 (giảm 9)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	54 (tăng 20)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00

Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2
*(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 129 ca/100.000 dân,
 tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%)
 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động*

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng đồng			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	>= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
1	BVĐN/ HSTC	40	50	7	0	1	49		249		10	4	26	9					45		
2	BVTN/TTHSTC	200	70	8	3	1	120	309	425	160	13	7	34	24	42	0	2	0	39	81	0
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	3	2	4	37	66	49	88	7	1	5	13	5	0		1	16	18	0
4	BVĐKKVLT	100	100	11	0	0	48	90	65	55	18	4	11	15	2	0	0	0	30	32	52
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	8	0	2	0	0	1	3	4	0	0	0	8	0	1	0

6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	BV Đồng Nai 2	10	30	4	0	0	30	137	4	828	10	0	0	20	30	0	0	0	22	30	0
Tổng cộng (tầng 3)		530	311	33	5	6	292	603	794	1131	58	17	79	85	79	0	2	9	107	207	52
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	20	25	0	197	34	2	2204	1	0	0	4	14	178	7	39	17	15	88
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	17	3	2	129	109	0	2416	0	0	0	17	85	170	9	75	13	15	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	0	0	0	83	0	0	0	0	0	0	25	39	44	3	2	22	35	0
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	3	0	0	57	76	0	2659	0	0	0	5	5	47	0	14	1	5	0
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	47	54	0	1795	0	0	0	6	6	41	4	4	8	25	0
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	1	14	0	113	135	0	7000	0	0	0	14	15	84	8	10	17	50	897
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	0	15	0	56	182	1	1685	0	0	0	8	12	36	3	5	7	17	644
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	600	0	0	0	107	69	0	3448	0	0	0	21	59	48	6	6	29	69	493
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	11	0	0	496	35	1	3396	0	0	0	7	7	489	4	126	20	65	139
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	18	38	1	162	136	1	5026	0	0	0	30	30	102	7	11	34	50	645
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	1	21	0	60	12	0	998	0	0	0	4	20	39	1	14	3	10	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	7	3	1	85	26	0	823	0	0	0	8	73	12	1	4	13	36	50
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	23	52	0	208	398	0	831	0	0	0	0	123	77	0	98	0	0	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	2	7	0	64	0	0	376	0	0	0	28	24	7	0	5	23	28	86
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	12	39	2	47	4	0	1	0	1	6	0	0	2	7	18
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	115	3	8	0	115	137	0	828	10	0	0	20	85	30	4	3	46	86	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	6	9		76	312	3	502	4	0	0	8	20	44	1	0	0	11	4
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	7	5	0	52	36	3	379	1	0	0	20	29	7	2	3	7	16	13
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	6	4		22								2	20					
Tổng cộng (tầng 2)		10470	9126	125	204	4	2141	1790	18	34413	20	0	1	225	649	1481	60	419	262	540	3127
1	Biên Hòa	1980	1622	31	17	2	257	1210	13	18112	0	0	0	5	51	207	4	11	3	9	911
2	Long Khánh	400	310	12	22	0	120	73	0	450	0	0	0	0	0	120	0	15	1	1	
3	Vĩnh Cửu	784	784	0	15	0	205	1522	3	8783	0	0	0	0	0	205	0	6	2	0	573
4	Định Quán	100	89	12	33	0	63	90	0	298	0	0	0	0	0	63	1	7	5	22	26
5	Tân Phú	60	60	6	0	0	48	188	1	120	0	0	0	3	0	45	2	0	42	6	0

6	Trảng Bom	1528	1498	101	29	10	190	1707	2	5262	0	0	0	0	18	178	2	12	7	10	1.12
7	Thống Nhất																				
8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	7	3	0	59	20	0	444	0	0	0	3	2	54	6	7	8	17	141
10	Long Thành	500	500	0	0	0	356	74	0	2086	0	0	0	0	0	356	8	66	8	150	144
11	Nhon Trạch	4230	1500	0	0	0	819	0	16	8721	0	0	0	42	220	557	10	46	22	751	681
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		10082	6563	169	119	12	2117	4884	35	44276	0	0	0	53	291	1785	33	170	98	966	4446
TỔNG TẦNG (3+2+1)		21082	16000	327	328	22	4550	7277	847	79820	78	17	80	363	1019	3266	95	598	467	1713	7625

Phụ lục 3: Khu cách ly tập trung do huyện, thành phố quản lý

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	11	2.328	1.925	30	15	430	19.046	1.495	12	13	12
2	Vĩnh Cửu	3	550	550	8	2	259	11.908	291	0	0	0
3	Thống Nhất	1	98	98	0	0	0	1.176	98	0	0	0
4	Xuân Lộc	1	500	500	0	0	191	2.315	309	6	27	32
5	Long Thành	1	300	300	0	11	72	903	228	0	0	1
6	Nhon Trạch	2	60	60	0	0	0	9.851	60	0	0	0
Tổng		19	3.836	3.433	38	28	952	45.199	2.481	18	40	45

* Long Khánh, Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom, Cẩm Mỹ đã giải thể hoàn toàn cơ sở cách ly tập trung